

Bản án số: 194/2020/HS-ST  
Ngày 11-11-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đinh Mai Phương và ông Trần Mạnh Hùng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 188/2020/TLST - HS ngày 06 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Văn D**; sinh ngày: 27/01/1985, tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ 3, khu 8A, phường H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Đ1 và bà Vũ Thị T2; có vợ là Trần Thị L; có 02 con, có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 31/7/2020 đến ngày 08/8/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

2. Họ và tên: **Lưu Quang Đ1**; sinh ngày: 24/11/1978, tại huyện Đ3, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Tổ 22, thị trấn Đ3, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lưu Văn Đ4 và bà Lê Thị T3; có vợ là Vũ Thị T4; có 02 con, có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 31/7/2020 đến ngày 08/8/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

3. Họ và tên: **Phạm T1**; sinh ngày: 16/02/1984, tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: Tổ 5, khu 7A, phường H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Duy B (đã

chết) và bà Nguyễn Thị T5; có vợ là Nguyễn Thị Hồng T6; có 02 con, có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 31/7/2020 đến ngày 08/8/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

4. Họ và tên: **Nguyễn Văn P**; sinh ngày: 12/12/1989, tại huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: thôn B, xã H, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Lưu Thị D; có vợ là Nguyễn Thị N; có 02 con, có 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 31/7/2020 đến ngày 08/8/2020 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ông **Phạm Văn K1**; sinh năm: 1978; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 1, khu Vĩnh Quang 1, phường M, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: Tổ 4, khu 5, phường H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

***\* Những người làm chứng:***

- Anh **Phạm Quốc T6**; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Thôn S, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Anh **Trần Đức Đ3**; sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn Q1, xã Q1, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Anh **Lê Quang Đ4**; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn K3, xã Q2, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Hữu K2**; sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn S, xã H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Anh **Vũ Văn S**; sinh năm: 1994; nơi cư trú: Tổ 5, khu 6, phường H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn D, Nguyễn Văn P, Phạm T1 và Lưu Quang Đ1 có quan hệ quen biết nhau và đều chơi với anh Phạm Văn K1 và biết anh Kết có lán tạm khu đô thị Thu Hà thuộc khu 6, phường H, thành phố Cẩm Phả. Khoảng 20 giờ ngày 31/7/2020, D, P, T1, Đ1 và Trần Đức Đ3 đến lán tạm của anh K1 tại khu 6, phường H, thành phố Cẩm Phả chơi, nhưng không thấy anh K1 ở đó. Cả nhóm rủ nhau mua đồ về ăn uống. Sau khi ăn xong, D nhìn thấy tại kệ để ti vi trong phòng có để một bộ bài chắn, nên D nảy sinh ý định và rủ mọi người đánh bạc dưới hình thức chơi chắn được thua bằng tiền thì T1, P, Đ1 đồng ý, còn Đ3 nằm ngủ ở ghế. D lấy 01 bộ bài đánh chắn, đĩa nhựa và bát

nhựa ở lán và cùng ngồi ở phòng ngủ phía trong. Cả nhóm ngồi dưới chiếu theo vòng tròn D, P, Đ1, T1 để chơi đánh chắn. Cách thức chơi chắn như sau:

Bộ bài chắn có 100 cây bài được chia thành 5 phần, mỗi người chơi lấy 01 phần có 19 cây bài, phần còn lại để làm bài nọc (được đặt trong chiếc bát con để giữa chiếu) có 24 cây bài, người đánh trước được bốc 01 cây bài ở giữa thành 20 cây rồi đánh đi 01 cây, thứ tự đánh bài: người có phần bài 20 cây đánh trước, đánh về phía bên phải người chơi, lần lượt từng người, nếu người ngồi dưới không ăn được cây bài của người ngồi trên thì bốc tiếp một cây bài tiếp theo còn lại. Quy ước về từng ván bài "Ù": Bài có tối thiểu đủ 06 chắn và tròn cạ hoặc đủ tròn chắn, tròn cạ thì "Ù". Khi chơi thì rút lần lượt từng cây bài trong bài nọc lật lên, nếu người chơi ghép được vào bài của mình thành "chắn" (2 cây bài cùng số và chất) hoặc "cạ" (2 cây bài cùng số nhưng khác chất) thì "ăn" cây đó, rồi đánh cây bài lẻ đi. Khi có đủ số chắn theo quy ước và không còn cây bài lẻ là "Ù". Bài "Ù xuống" là bài ù không có gì đặc biệt (không có các cây bài quy ước dùng để tính cước), bài "Ù" có thêm các điểm đặc biệt gọi là "cước", như: bạch thủ, tôm, lèo, tám đỏ, bạch định, kính tứ chi ... Người có bài "Ù" là thắng bạc, ba người còn lại thua bạc và phải trả tiền cho người thắng. Tất cả cùng thỏa thuận với nhau góp gà mỗi ván là 200.000 đồng, nếu ai thắng thì được ăn gà của ván đó, nhưng chỉ được ăn gà khi được ù chính cửa bạch thủ, tám đỏ lèo, bạch định tôm, mười chắn, kính tứ chi và chỉ khi có người thắng được tiền gà thì ván kế tiếp mới góp gà. Nếu kết thúc một ván bạc mà không có ai được ăn gà thì tiền gà vẫn giữ nguyên, không phải góp thêm ở ván sau. Mức đánh bạc là: "Ù" xuống, mỗi người thua phải trả 40.000 đồng/người; "Ù" có thêm "cước" thì tùy theo từng "cước", mỗi người thua phải trả từ 40.000 đồng/người đến 200.000 đồng/người. Ngoài ra, còn thỏa thuận ai là người ù to và được ù bạch định, tám đỏ, kính tứ chi, mười chắn thì người đó sẽ bỏ ra 20.000 đồng để kết thúc buổi đánh bạc sẽ đi ăn uống.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, thì bị Công an thành phố Cẩm Phả phát hiện bắt quả tang. Vật chứng thu giữ: tại nền lán vị trí Phạm Văn D, Nguyễn Văn P, Phạm T1, Lưu Quang Đ1 ngồi: 01 bát tô nhựa, 01 đĩa nhựa, 100 lá bài chắn, 01 chắn lông, 01 chiếu và số tiền 16.580.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). Cơ quan điều tra còn thu giữ trong túi quần của Lưu Quang Đ1 01 ví giả da màu đen trong có 6.500.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung J7 vỏ nhựa màu vàng; thu trong túi quần của Phạm Văn D 5.700.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung Galaxy S9, màu đen; Phạm T1 01 ví giả da màu đen có 7.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu vàng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 150; thu trong túi quần của Nguyễn Văn P 3.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung A50. Những khoản tiền thu giữ trong người các bị cáo đều khai nhận để dành chi tiêu việc riêng, không dùng để đánh bạc.

Khi cả nhóm đang đánh chắn đến khoảng 23 giờ ngày 31/7/2020, thì có Lê Quang Đ4 và Phạm Quốc T6 đến chơi, sau đó cách Đ3, T6 và Đ4 rủ nhau đánh "lộc" ngay gần chiếu đánh chắn. Khi cơ quan Công an kiểm tra thu giữ tại chiếu đánh "lộc" của các đối tượng tổng số tiền là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên và đều khai việc anh Phạm Văn K1 không biết việc các bị cáo

đánh bạc tại lán. Các bị cáo khai nhận: Khi đánh bạc D bỏ ra 4.300.000 đồng trong tổng số 10.000.000 đồng mang theo; T1 bỏ ra hơn 2.000.000 đồng trong tổng số hơn 9.000.000 đồng mang theo, Đ1 bỏ ra hơn 7.000.000 đồng trong tổng số hơn 14.000.000 đồng mang theo và P bỏ ra 1.400.000 đồng trong tổng số 4.400.000 đồng mang theo để đánh bạc với nhau. Khi bị Công an thu giữ tại vị trí ngồi của D có 6.740.000 đồng, P có 3.460.000 đồng, T có 5.040.000 đồng, Đ1 có 500.000 đồng là tiền đánh bạc do D, T1, P đang thắng, còn Đ1 bị thua; số tiền cả nhóm góp gà là 840.000 đồng. Tổng số tiền thu tại chiếu bạc là 16.580.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). Các bị cáo đều thừa nhận việc truy tố và quyết định đưa các bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Giai đoạn điều tra: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Văn K1 khai: việc các bị cáo tới ngày 31/7/2020 đến lán của anh K1 chơi rú nhau ăn uống rồi sau đó đánh bạc với nhau thì anh K1 không được biết; những dụng cụ các bị cáo dùng để đánh bạc với nhau (bát, đĩa, chiếu, chần lông, bộ bài chẵn) là của anh K1 có sẵn tại lán nhưng giá trị những tài sản này nhỏ nên anh K1 không đề nghị được nhận lại mà đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật. Những người làm chứng nêu trên đều khai toàn bộ nội dung diễn biến sự việc như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 185/CT-VKSCP ngày 02 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị can Phạm Văn D, Nguyễn Văn P, Phạm T1, Lưu Quang Đ1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Xử phạt bị cáo Phạm T1 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lưu Quang Đ1 từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, tiêu hủy công cụ dùng vào việc đánh bạc gồm: 01 chiếc nhựa đã qua sử dụng, 01 chần lông hoa màu nâu vàng đã qua sử dụng, 01 bát nhựa đường kính 20cm đã qua sử dụng; 01 đĩa nhựa đường kính 15cm đã qua sử dụng; 100 quân bài chẵn đã qua sử dụng; Tịch thu số tiền 16.580.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) mà các bị cáo dùng để đánh bạc nộp Ngân sách Nhà nước; Trả lại cho Lưu Quang Đ1 01 ví giả da màu đen và số tiền 6.500.000 đồng; trả lại cho Phạm Văn D số tiền 5.700.000 đồng; trả lại cho Phạm T1 01 ví giả da màu đen và số tiền 7.000.000 đồng; trả lại cho Nguyễn Văn P số tiền 3.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cẩm Phả, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng việc Công an bắt quả tang, thu giữ tiền cùng những vật chứng khác dùng vào việc đánh bạc, cùng những tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 31/7/2020, tại lán ở tạm của anh Phạm Văn K1 thuộc khu 6, phường H, thành phố Cẩm Phả, các bị cáo Phạm Văn D, Nguyễn Văn P, Phạm Tuấn và Lưu Quang Đ1 rủ nhau đánh bạc được thua bằng tiền, với hình thức "đánh chẵn", thu tại chiếc bạc số tiền 16.580.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng). Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, Phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có cơ sở pháp luật.

[3] Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định:

*"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại*

*Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”*

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng của Nhà nước. Các bị cáo tụ tập rủ nhau đánh bạc có tính chất sát phạt tiền bạc của nhau để kiếm lời, không những làm thiệt hại về tài sản của mình và người khác, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, đánh bạc cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi Phạm tội của từng bị cáo nhằm giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Xét tính chất đồng phạm và vai trò Phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau từ trước mà chỉ nhất thời Phạm tội nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Phạm Văn D là người khởi xướng nên có vai trò thứ nhất; các bị cáo Nguyễn Văn P, Phạm T1 và Lưu Quang Đ1 có vai trò ngang nhau và sau bị cáo Duy.

[6] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải về hành vi Phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước. Riêng bị cáo Điệp có bố đẻ (ông Lưu Văn Đắc) là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Về hình phạt:

[7.1] Về hình phạt chính: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi Phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc phân hóa vai trò thực hiện tội phạm, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, Phạm tội với lỗi cố ý, nhưng có nhân thân tốt, lần đầu Phạm tội, khi Phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục bị cáo với một thời gian thử thách phù hợp, điều đó cũng đáp ứng được mục đích của hình phạt. Trường hợp bị cáo vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong thời gian thử thách thì phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

[7.2] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321, bị cáo có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng để sung Ngân sách nhà nước. Nhưng xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình còn nhiều khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về vật chứng của vụ án: Số tiền 16.580.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) thu giữ tại chiếu bạc là tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung Ngân sách nhà nước; 01 chiếu nhựa đã qua sử dụng, 01 chăn lông hoa màu nâu vàng đã qua sử dụng, 01 bát nhựa đường kính 20cm đã qua sử dụng; 01 đĩa nhựa đường kính 15cm đã qua sử dụng; 100 quân bài chắn đã qua sử dụng là công cụ Phạm tội và giá trị sử dụng không lớn cần tịch thu và tiêu hủy. Số tiền và các tài sản khác thu được trên người của các bị cáo không liên quan đến hành vi Phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

[9] Về hành vi đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức chơi “lôc” của Trần Đức Đ3, Lê Quang Đ4 và Phạm Quốc T6 bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang ngay cạnh chiếu của nhóm Phạm Văn D đang chơi chắn, thu giữ tại chiếu bạc là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Cơ quan Công an thành phố Cẩm Phả đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và xử lý theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn D, Nguyễn Văn P, Phạm Tuấn Phạm tội “Đánh bạc”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/11/2020).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/11/2020).

- Xử phạt bị cáo Phạm T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/11/2020).

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lưu Quang Đ1 Phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lưu Quang Đ1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/11/2020).

3. Giao các bị cáo Phạm Văn D và Phạm T1 cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Văn P cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Lưu Quang Đ1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ3, huyện Đ3, thành phố Hà Nội giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ vào: Điều 123; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đang được áp dụng đối với các bị cáo Phạm Văn D, Nguyễn Văn P, Phạm T1 và Lưu Quang Đ1. (theo các Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú: số 127/2020/HSST-QĐCT; số 128/2020/HSST-QĐCT; số 129/2020/HSST-QĐCT và số 130/2020/HSST-QĐCT ngày 06/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh).

5. Căn cứ vào: các điểm a và b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; các khoản 1, 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, sung Ngân sách Nhà nước số tiền 16.580.000 đồng (mười sáu triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) thu giữ tại chiếu bạc. Tịch thu và tiêu hủy: 01 chiếu nhựa đã qua sử dụng, 01 chần lông hoa màu nâu vàng đã qua sử dụng, 01 bát nhựa đường kính 20cm đã qua sử dụng; 01 đĩa nhựa đường kính 15cm đã qua sử dụng; 100 quân bài chần đã qua sử dụng. Trả lại cho Lưu Quang Đ1 01 ví giả da màu đen và số tiền 6.500.000 đồng (sáu triệu năm trăm nghìn đồng); trả lại cho Phạm Văn D số tiền 5.700.000 đồng (năm triệu bảy trăm nghìn đồng); trả lại cho Phạm T1 01 ví giả da màu đen và số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng); trả lại cho Nguyễn Văn P số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Tình trạng những vật chứng nêu trên theo Biên bản giao vật chứng số 27/BB-THA ngày 09/11/2020 giữa Công an thành phố Cẩm Phả và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

6. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTQH14



ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Phạm Văn D, Nguyễn Văn P, Phạm T1 và Lưu Quang Đ1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Căn cứ vào: các khoản 1 và 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/11/2020). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND TP Cẩm Phả;
- Cơ quan CSĐT Công an TP Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an TP Cẩm Phả;
- Chi cục THADS. TP Cẩm Phả;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Quyền**